

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST

Ngày: 05/6/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tiên Nghiệm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Bé.

- Bà Trang Thị Cẩm Nhuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 373/2019/TLST-DS, ngày 17 tháng 6 năm 2019, về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2019/QĐXXST-DS, ngày 17 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1969 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp CG, xã TN, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Đồng Văn S, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp OX (ấp XC cũ), xã TN, huyện T, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2019, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Vào ngày 04/04/2019, chị cùng với anh Nguyễn Văn H, anh Đặng Văn B, anh Nguyễn Văn T có bán lúa cho anh Đồng Văn S, số lượng là 39 tấn, trong đó số lượng lúa của chị là 15.580kg với giá là 5.000 đồng/kg, tương ứng với số tiền là 77.900.000 đồng. Việc mua bán này chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không có làm hợp đồng, trước khi lúa chín khoảng 20 ngày thì anh S có đến nhà anh Nguyễn Văn D là anh ruột của chị để bỏ tiền cọc lúa, hai bên thỏa thuận giá cả là 5.000 đồng/kg

lúa, sau đó anh S đặt cọc cho anh D chung số tiền 10.000.000 đồng cho tổng số lúa khoảng 50 công, do nhà chị và ruộng lúa của chị ở xa, nên anh D đại diện nhận. Sau đó anh D đã giao lại tiền cọc cho chị số tiền 3.000.000 đồng. Đến ngày thu hoạch lúa, anh S kêu người đến để cân lúa, nhưng không trả tiền, đến ngày hôm sau mới trả số tiền 34.900.000 đồng (đã trừ tiền cọc 3.000.000 đồng), còn nợ lại 40.000.000 đồng, hẹn đến chiều cùng ngày trả đủ nhưng anh S không trả. Đến 10 ngày sau, anh S trả cho chị được 15.000.000 đồng, còn nợ 25.000.000 đồng cho đến nay chưa trả.

Nay chị T yêu cầu anh trả cho chị số tiền mua lúa còn nợ là 25.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

Anh Đồng Văn S vắng mặt tại phiên tòa, tại bản tự khai ngày 07/11/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, anh S trình bày:

Trước đây anh không nhớ thời gian nào, anh thỏa thuận với anh D để anh làm trung gian dẫn người đến để mua lúa của anh D và những người nông dân gần đó, trong đó có chị Nguyễn Thị T là em ruột của anh D.

Theo thỏa thuận, anh chỉ là người trực tiếp đến nhà của những người dân để thương lượng giá, nếu được giá thì anh đặt cọc, giá lúa do chủ cơ sở xay xác lúa gạo tại huyện LH, Vĩnh Long quy định, nếu ai đồng ý với giá đó thì anh sẽ đặt cọc, tiền cọc là do chủ cơ sở xay xác gạo gửi, anh hưởng huê hồng 30 đồng/kg. Đến thời điểm thu hoạch lúa, chủ mua lúa cho người đến cân lúa, anh trực tiếp dẫn những người này đến ruộng lúa để cân, giữa người mua lúa với người bán lúa tự cân và tính toán tiền với nhau, tiền cọc thì họ cũng tự cân trừ.

Vào ngày 04/4/2019, anh D, chị T, anh B và anh H có thu hoạch và bán lúa. Sau khi cân lúa, anh D, anh B và anh H đã nhận đủ tiền, riêng chị T không có mặt nên chưa nhận, anh có gọi điện cho chị T nhận tiền nhưng chị T không đến. Sau đó anh chở anh T là người làm công cho nhà máy xay xác lúa gạo đến nhà anh D trả tiền cho chị T, sau khi tính toán, anh T chỉ trả cho chị T được 34.900.000 đồng, còn nợ lại 40.000.000 đồng. Anh có nói chị T giữ anh T lại để khi nhận đủ tiền mới cho đi nhưng chị T không thực hiện. Sau đó cơ sở xay xác lúa gạo không trả tiền cho chị T thì chị đến nhà anh để đòi nợ, anh sợ ảnh hưởng uy tín nên anh có trả cho chị T được 15.000.000 đồng. Thời gian sau, chị T tiếp tục đến nhà anh đòi nợ, anh có mượn tiền của em ruột 2.000.000 đồng và 01 chỉ vàng của mẹ ruột dự định trả nhưng chị T cho rằng là không biết vàng thật hay giả, không đồng ý nhận, ngoài ra còn có lời lẽ xúc phạm nên anh không tiếp tục trả số tiền còn nợ nêu trên.

Nay anh không đồng ý trả số tiền còn lại 25.000.000 đồng như chị T yêu cầu, do anh chỉ là trung gian, không trực tiếp mua lúa, chỉ nhận huê hồng nên không có trách nhiệm trả nợ. Đối với số tiền anh trả cho chị T 15.000.000 đồng, anh không yêu cầu chị T trả lại.

Những vấn đề các đương sự đã thống nhất: Không có.

Những vấn đề các đương sự không thống nhất: Chị T yêu cầu anh S trả số tiền mua lúa còn nợ là 25.000.000 đồng, anh S không đồng ý trả, anh cho rằng anh không phải là người mua lúa trực tiếp, chỉ hưởng huê hồng nên không có trách nhiệm trả.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên đối với anh Sơn chưa chấp hành tốt, vắng mặt trong quá trình hòa giải và tại phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Buộc anh S phải trả cho chị T số tiền 25.000.000 đồng, do chị T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét. Buộc anh S phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

Anh Đồng Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ xét xử lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[1] Theo chị Nguyễn Thị T trình bày, vào ngày 04/04/2019, chị có thu hoạch lúa 15.580 kg, với giá 5.000 đồng/kg, tương ứng với số tiền là 77.900.000 đồng là có thật. Sự việc này được anh S thừa nhận, có lời khai của anh Nguyễn Văn D và anh Đặng Văn B là những người cùng bán lúa với chị T xác nhận. Tuy nhiên, chị T cho rằng anh S là người trực tiếp mua lúa của chị nhưng không trả đủ tiền, anh S mới đã trả được 52.900.000 đồng (lần 1: là 37.900.000 đồng và lần 2: 15.000.000 đồng), còn nợ lại 25.000.000 đồng chưa trả. Phản đối với lời khai của chị T, anh S cho rằng anh chỉ là người dẫn người khác là cơ sở xay xác lúa gạo ở huyện LH, tỉnh Vĩnh Long đến mua lúa, anh hưởng huê hồng 30 đồng/kg mà không phải là người trực tiếp mua, có lần anh T là người làm công cho cơ sở xay xác lúa gạo trả tiền cho chị T, từ đó phát sinh tranh chấp.

[2] Qua xác minh, thu thập chứng cứ, tại biên bản lấy lời khai ngày 19/02/2020, anh Nguyễn Văn D và anh Đặng Văn B là những người nông dân cùng với chị T bán lúa xác nhận: Anh S là người trực tiếp mua lúa, thỏa thuận giá cả để bán lại cho người khác hưởng tiền chênh lệch, theo thỏa thuận thì anh S phải có trách nhiệm trả tiền cho chị T; anh D và anh B còn khai, các anh đã nhận đủ tiền do anh S trả. Ngoài ra, vào ngày 20/02/2020, chị Trần Thanh T (chồng chị T tên Lê Hồ Xuân P) là chủ cơ sở xay xác lúa gạo SH, trụ sở ấp PLA, xã BP, huyện LH, tỉnh Vĩnh Long có bản tự khai xác nhận: Cơ sở của vợ chồng chị có hợp đồng mua bán lúa với anh S, theo thỏa thuận anh S trực tiếp gặp những hộ dân ở Trà Vinh mua lúa bán lại cho vợ chồng chị hưởng chênh lệch; sau khi anh S giao lúa, vợ chồng chị mới trả tiền cho anh S, rồi anh S mới trả lại cho người bán lúa; tính đến nay, cơ sở của chị không còn nợ khoản tiền nào anh S, anh S nợ người dân như thế nào anh S tự giải quyết.

Từ những phân tích nêu trên, có cơ sở để khẳng định anh S phải có trách nhiệm trả nợ tiền mua lúa cho chị T vì anh S trực tiếp mua lúa bán lại để hưởng chênh lệch; nếu anh S không có nghĩa vụ gì, vì sao đối với khoản nợ 40.000.000 đồng còn lại, khi chị T đòi thì anh trả được 15.000.000 đồng, đồng thời còn mượn tiền, vàng dự định trả tiếp cho chị T. Do đó, việc chị T khởi kiện đòi nợ anh S số tiền 25.000.000 đồng là hoàn toàn có căn cứ chấp nhận, chị T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Ngoài ra, Tòa án có yêu cầu anh S cung cấp địa chỉ của T để xác minh, làm rõ và yêu cầu anh S cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh anh không có nghĩa vụ trả tiền mua lúa của chị T nhưng anh không cung cấp, nên không có căn cứ chấp nhận ý kiến phản đối của anh S.

[3] Xét thấy đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Buộc anh S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 91, 147, 227, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T.

Buộc anh Đồng Văn S có trách nhiệm trả cho chị Nguyễn Thị T số tiền mua lúa còn nợ là 25.000.000 đồng, chị T không yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị T số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 625.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0004402 ngày 17 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Buộc anh Đồng Văn S phải chịu 1.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai để xin xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Tiên Nghiệm